TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/DS-PT
Ngày: 21-3-2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hồ Văn Cường;

2. Ông Phạm Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 166/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1963; trú tại: Tổ E, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền của Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh ngày 29-8-2023); có mặt.

Bị đơn:

1. Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm 1978; trú tại: Khu phố D, phường B, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1981; trú tại: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1978; trú tại: Số D, ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng ủy quyền của Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh ngày 30-10-2023); có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A và người đại diện hợp pháp bà Đỗ Thị M trình bày:

Bà A cho vợ chồng anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị Ngọc D vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 20-10-2022, vợ chồng chị D, anh L vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đã trả lãi đến ngày 04-04-2023 (khi trả lãi, hai bên có thỏa thuận giảm lãi suất 50%), trả tiền lãi là 50.000.000 đồng;

Ngày 17-11-2022, vợ chồng chị D, anh L vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đã trả lãi đến ngày 04-04-2023 (khi trả lãi, hai bên có thỏa thuận giảm lãi suất 50%), trả tiền lãi là 27.000.000 đồng;

Ngày 22-02-2023, vợ chồng chị D, anh L vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đã trả lãi đến ngày 04-04-2023 (khi trả lãi, hai bên có thỏa thuận giảm lãi suất 50%), trả tiền lãi là 16.000.000 đồng;

Ngày 27-02-2023, vợ chồng chị D, anh L vay số tiền 100.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đã trả lãi đến ngày 04-04-2023 (khi trả lãi, hai bên có thỏa thuận giảm lãi suất 50%), trả tiền lãi là 1.800.000 đồng;

Ngày 08-03-2023, vợ chồng chị D, anh L vay số tiền 440.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, đã trả tiền lãi được 01 tháng là 11.000.000 đồng.

Ngày 23-03-2023, vợ chồng chị D, anh L vay số tiến 330.000.000 đồng, số tiền này anh L và chị D đã trả dần được 180.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, đã trả tiền lãi được 01 tháng là 3.700.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi bà A đã nhận của anh L, chị D là 109.500.000 đồng. Vợ chồng chị D, anh L còn nợ bà A số tiền gốc 2.490.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền chị D đều có điện thoại cho bà A cho vợ chồng chị vay tiền để đáo hạn cho khách hàng; riêng anh L đến nhận tiền và ký tên nhận nợ.

Nay, bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị D trả số tiền vay gốc 2.490.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử, khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 109.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quốc Đ là người đại diện hợp pháp của anh L, chị D trình:

Anh Huỳnh Tấn L thừa nhận có nợ bà A các khoản tiền như đơn khởi kiện, anh L thống nhất số tiền lãi bà A đã nhận 109.500.000 đồng.

Nay anh L đồng ý trả cho bà A số tiền gốc 2.490.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,83%, khấu trừ tiền lãi đã nhận. Tuy nhiên, các khoản vay trên là nợ riêng của anh L, không liên quan đến chị D nên anh L đề nghị Tòa án không buộc chị D cùng anh L trả nợ cho bà A.

Anh Nguyễn Quốc Đ là Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Ngọc D trình bày: Vợ chồng chị D tuy chung sống có đăng ký kết hôn, nhưng không liên quan nhau về tài chính, tiền của ai làm ra thì tự sử dụng, không liên quan đến nhau. Căn cứ Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhà và gia đình đối với các khoản vay của anh L không liên quan đến chị D; anh L không dùng tiền này chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên chị D không đồng ý trả các khoản nợ trên.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 166/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị Ngọc D về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị A số tiền tổng cộng: 2.612.496.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 2.490.000.000 đồng và tiền lãi là 122.496.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 26-12-2023, bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D có đơn kháng cáo, không đồng ý cùng anh Huỳnh Tấn L trả nợ cho bà Đỗ Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho chị D *trình bày:* giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc D, nhận thấy:

2.1. Hợp đồng vay tài sản giữa anh L và bà A được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bằng văn bản. Theo đó, bà A cho anh L vay tiền nhiều lần, nhiều ngày khác nhau với tổng số tiền là 2.490.000.000 đồng; khi vay tiền anh L có ký giấy nhận nợ. Nay anh L thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền nợ này cho bà A.

2.2. Xét kháng cáo của chị D cho rằng không liên quan đến việc anh L vay tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: qua các lần vay tiền nêu trên anh L ký giấy nhận nợ với bà A. Anh L xác định vay tiền cho cá nhân anh L, không liên quan đến chị D. Đồng thời, anh L vay với số tiền lớn, chị D không biết việc anh L vay tiền của bà A và cũng không hưởng lợi từ việc vay tiền này của anh L; ngoài ra, bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh L vay tiền này để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, thiết yếu của gia đình chị D, anh L. Do đó, việc anh L vay tiền của bà A không liên quan đến chị D; Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị D có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay cho bà A là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị D; nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc D; sửa bản án sơ thẩm; buộc cá nhân anh Huỳnh Tấn L có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho bà A.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà A. Chị D không phải chịu.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị D được chấp nhận nên chị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ngọc D,

2. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 166/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Áp dụng các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với anh Huỳnh Tấn L về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

2.3. Buộc anh Huỳnh Tấn L có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Đỗ Thị A số tiền 2.612.496.000 (Hai tỷ, sáu trăm mười hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn) đồng (gồm tiền nợ gốc 2.490.000.000 đồng và tiền lãi là 122.496.000 đồng).

2.4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A về yêu cầu chị Huỳnh Thị Ngọc D có trách nhiệm liên đới với anh Huỳnh Tấn L trả nợ cho bà Đỗ Thị A.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Tấn L phải chịu 84.249.900 (T mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm) đồng.

Bà Đỗ Thị A và chị Huỳnh Thị Ngọc D không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005730, ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn